TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14 -3 -2023
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội Đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vũ Xuân.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trường;
Ông Phùng Hải Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Việt Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 229/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGD ngày 09 tháng 02 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tấn Q, sinh năm: 1979, có mặt.

Bị đơn: Chị Thái Thị Thu S, sinh năm: 1980, vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Cùng địa chỉ: Số 16/24 đường A, khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Tấn Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn Q và chị Thái Thị Thu S đăng ký kết hôn ngày 13/11/2002 tại UBND Phường 5, thị xã Đông Hà *(nay là thành phố Đông Hà)*, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Anh Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị Thái Thị Thu S.

Về con chung: Anh Q và chị S có ba người con chung là Nguyễn Thái T, sinh ngày 14/5/2003; Nguyễn Thái Khánh Ng, sinh ngày 15/9/2008 và Nguyễn

Thái Thảo N, sinh ngày 15/9/2008. Anh Q có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Khánh Nguyên và Thảo Nguyên, yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng. Cháu Thái Tuấn đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 05/12/2022 bị đơn chị Thái Thị Thu S trình bày:

Về hôn nhân: Chị Thái Thị Thu S đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Tấn Q.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là cháu Nguyễn Thái T, sinh ngày 14/5/2003; cháu Nguyễn Thái Khánh Ng, sinh ngày 15/9/2008 và cháu Nguyễn Thái Thảo N, sinh ngày 15/9/2008. Ly hôn, chị S đồng ý giao cháu Thái Nguyên và cháu Khánh Nguyên cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị S cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng. Cháu Thái Tuấn đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Tấn Q và chị Thái Thị Thu S.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thái Khánh Ng, sinh ngày 15/9/2008 và cháu Nguyễn Thái Thảo N, sinh ngày 15/9/2008 cho anh Nguyễn Tấn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Thái Thị Thu S cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng. Cháu Nguyễn Thái T đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm Q giải quyết:

Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Thái Thị Thu S cư trú tại: Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Q nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Thái Thị Thu S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227

Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Tấn Q và chị Thái Thị Thu S đăng ký kết hôn ngày 13/11/2002 tại UBND Phường 5, thị xã Đông Hà *(nay là thành phố Đông Hà)*, tỉnh Quảng Trị. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị S là tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo kết quả xác minh của Tòa án tại chính Q địa phương nơi anh Q và chị S sinh sống cho biết cuộc sống hôn nhân của anh Q và chị S có mâu thuẫn. Tuy nhiên, anh Q và chị S không tham gia sinh hoạt đoàn thể và không báo cáo thực trạng mâu thuẫn gia đình nên địa phương không nắm rõ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng chị S không đến và cũng không có mặt tại phiên tòa. Xét thấy, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Tấn Q được ly hôn chị Thái Thị Thu S.

[2.2] Về con chung:

Anh Q và chị S có ba người con chung là Nguyễn Thái T, sinh ngày 14/5/2003; Nguyễn Thái Khánh Ng, sinh ngày 15/9/2008 và Nguyễn Thái Thảo N, sinh ngày 15/9/2008. Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của anh Nguyễn Tấn Q là hoàn toàn chính đáng, cháu Nguyễn Thái Thảo N và cháu Nguyễn Thái Khánh Ng có nguyện vọng được ở với bố. Hiện nay, chị S đang đi làm ăn xa và củng có nguyện vọng giao cháu Khánh Nguyên và Thảo Nguyên cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cho anh Nguyễn Tấn Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thái Thảo N và cháu Nguyễn Thái Khánh Ng.

Cháu Nguyễn Thái T đã thành niên, có khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị Thái Thị Thu S có văn bản trình bày đồng ý chị S cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thái Thảo N và cháu Nguyễn Thái Khánh Ng mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Tấn Q củng đồng ý với mức cấp dưỡng như đề nghị của chị S. Nhận thấy, mức cấp dưỡng phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Tấn Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị Thái Thị Thu S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thái Thị Thu S và anh Nguyễn Tấn Q *(Giấy chứng nhận kết hôn số 175, quyển số 01/2002 ngày 13/11/2002).*

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thái Khánh Ng, sinh ngày 15/9/2008 và cháu Nguyễn Thái Thảo N, sinh ngày 15/9/2008 cho anh Nguyễn Tấn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Thái Thị Thu S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 4/2023 cho đến khi hai cháu thành niên và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Chị Thái Thị Thu S có Q thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có Q cản trở thực hiện Q này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Thái Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; anh Nguyễn Tấn Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Q đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số CC/2021/0000480 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố

Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Anh Nguyễn Tấn Q đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về Q kháng cáo: Nguyên đơn có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- Chi cục THADS TP. Đông Hà;
- Đương sự;
- UBND Phường 5, TP. Đông Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Vũ Xuân